

THÔNG TIN LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐƯA LÊN MẠNG

Tên đề tài luận án: “ Tỉ lệ hiện mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính và hiệu quả can thiệp bằng truyền thông nhằm thay đổi hành vi phòng chống ngộ độc thực phẩm của người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh”.

Chuyên ngành: Dịch tễ học. Mã số: 62720117.

Họ và tên nghiên cứu sinh: Nguyễn Thị Huỳnh Mai

Họ và tên người hướng dẫn:

1. GS.TS Lê Hoàng Ninh
2. TS.BS Trịnh Thị Hoàng Oanh

Tên cơ sở đào tạo: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT NHỮNG KẾT LUẬN MỚI CỦA LUẬN ÁN

- Tỉ lệ hiện mắc NĐTP cấp tính của người dân thành phố trong 2 tuần là 1,89%, tập trung ở nhóm tuổi 30 – 39 (2,19%), nữ chiếm đa số (2,01%) và trình độ học vấn lớp 12 trở lên (2,18%). Tỷ suất hiện mắc NĐTP trong cộng đồng tại thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận là 0,01894 (người/ 2 tuần), ước tính có 3.635.333 ca NĐTP/năm trên địa bàn thành phố, chiếm khoảng 49,5% dân số thành phố. Tỷ suất hiện mắc NĐTP tại bệnh viện là 0,00001558 (người/ 2 tuần), ước tính có 2.990 ca NĐTP/năm được điều trị tại bệnh viện.

- Tỉ lệ người dân thành phố có kiến thức đúng về phòng chống NĐTP là 19,4%, các nội dung kiến thức còn hạn chế là kiến thức về lựa chọn thực phẩm an toàn (82,4%), kiến thức vệ sinh trong chế biến thực phẩm (74,1%) và kiến thức bảo quản, sử dụng thực phẩm (45,7%). Tỉ lệ người dân có thực hành đúng phòng chống NĐTP là 64%, các nội dung thực hành cần thay đổi là thực hành vệ sinh trong chế biến, bảo quản (17%) và vệ sinh trong chế biến (18,3%).

- Hiệu quả sau 6 tháng can thiệp bằng truyền thông, tập huấn kiến thức ATTP

+ Nhóm can thiệp có tỷ lệ kiến thức đúng chung phòng chống NĐTP sau can thiệp có thay đổi, tăng cao hơn so với trước khi can thiệp (tăng 10,7%) và sự thay đổi này tích cực này nhiều hơn so với nhóm chứng (tăng 3,7%).

+ Thực hành đúng phòng ngừa NĐTP của nhóm can thiệp tăng 5,4% so với trước khi can thiệp (trước 50,6%, sau 56,0%), thay đổi tích cực nhiều nhất là thực hành về *vệ sinh trong chế biến và bảo quản* sau can thiệp (95%) tăng 19,1% so với trước can thiệp (75,9%) và thực hành về *vệ sinh cá nhân* sau can thiệp (93%) tăng 21,2% so với trước can thiệp (71,8%).

+ Tỉ lệ người mắc các bệnh tiêu chảy, nhiễm trùng đường tiêu hóa tại phường can thiệp năm 2016 giảm 3% so với năm 2015, trong khi tại phường chứng tỷ lệ này tăng 3,2%.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình “niềm tin sức khỏe” thích hợp để áp dụng trong hoạt động can thiệp kiến thức phòng chống NĐTP nhằm thay đổi hành vi phòng chống NĐTP cho người dân và tài liệu “5 chìa khóa vàng để có thực phẩm an toàn hơn” của WHO thật sự mang lại lợi ích cho người dân TP.HCM trong phòng chống NĐTP.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 09 .tháng3 năm 2021

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

Lê Hoàng Ninh Trịnh Thị Hoàng Oanh

NGHIÊN CỨU SINH

Nguyễn Thị Huỳnh Mai



ONLINE Ph.D. DISSERTATION INFORMATION

The Ph.D. Dissertation title: Prevalence of acute food poisoning and effectiveness of intervention on the community to change behavior food poisoning prevention of people in Ho Chi Minh City.

Specialty: Epidemiology Code: 62720117.

Ph.D. candidate: Nguyễn Thị Huỳnh Mai

Supervisor 1: Pro.MD. Lê Hoàng Ninh

Supervisor 2: MD. Trịnh Thị Hoàng Oanh

Academic institute: University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City

SUMMARY OF NEW FINDINGS

- The prevalence of acute food poisoning in HCMC in 2 weeks was 1.89%, concentrated in the group of ages from 30 to 39 (2.19%), the majority of women (2.01%) and education from grade 12 (2.18%). The incidence of acute food poisoning in the community was 0.01894 (person / 2 weeks), estimated there were 3,635,333 cases / year in the city, accounting for about 49.5% of city population. The incidence of food poisoning in the hospital was 0.00001558 (person / 2 weeks). It was estimated that 2,990 cases of acute food poisoning / year were treated at the hospital.

- The percentage of people with correct knowledge about food poisoning prevention was 19.4%, the limited contents were knowledge of safe food selection (82.4%), knowledge of hygiene in food processing (74.1%) and knowledge of food preservation (45.7%). The percentage of people who practice food poisoning prevention correctly was 64%, the practical contents that need to be changed were hygiene practices in processing and preservation (17%) and hygiene in processing (18.3%).

- Effectively after 6 months of intervention by communication and food safety knowledge training were: the intervened group has the rate of general correct knowledge about antidepressant prevention after the intervention has changed, increased higher than before (increased 10.7%) and this change is more positive than the control group (up 3.7%); Correct practice of food poisoning prevention of the intervened group increased by 5.4% compared to before (before 50.6%, after 56.0%), the most positive change is the practice of hygiene in processing and storage (95%) (up 19.1%) compared with before (75.9%) and practice on personal hygiene (93%) (up 21.2%) compared to that before (71.8%). The prevalence of people suffering from diarrhea and gastrointestinal infections in the intervened ward in 2016 decreased by 3% compared to 2015, while in the control ward this prevalence increased by 3.2%.

The research results show that the model of "belief in health" is suitable for application in interventions in knowledge of food poisoning prevention to change the behavior of food poisoning prevention for people and the document "Five keys to safer food manual" of WHO really brings benefits to the people of Ho Chi Minh City in the prevention of food poisoning.

Ho Chi Minh City, March, 9th 2021

Ph.D. candidate

Supervisor

Lê Hoàng Ninh Trịnh Thị Hoàng Oanh



Nguyễn Hoàng Bảo

Nguyễn Thị Huỳnh Mai